

Phụ lục IV:
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LĨNH VỰC THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mô hình nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao
(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

1.1. Định mức giống, vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 2,2	Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

1.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	6	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	
---	--	--------------------------------	------------	--

2. Mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

2.1. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	15-20	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 2,5$	Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

2.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	6	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	
---	--	--------------------------------	------------	--

3. Mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh – lúa

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

3.1. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	≤ 10	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,5$	Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

3.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm

5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

4. Mô hình nuôi xen canh tôm càng xanh – lúa

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

4.1. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	≤ 4	Quy cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,3$	Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

4.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm

3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

5. Mô hình nuôi xen canh chạch đồng và cua đồng trong ruộng lúa

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

5.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép chạch đồng 80-90% còn lại là cua đồng	Con/m ²	20-30	Quy cỡ giống cua và chạch: $\geq 4-5$ gr/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,3$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 30\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

5.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-----	----------	---------

1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

6. Mô hình nuôi cá trắm đen trong ao

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

6.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	1	Quy cỡ giống cá: 200-500 gr/con; Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,8$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

6.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

7. Mô hình nuôi cá trắm đen trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

7.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	10-15	Cá giống cỡ từ 0,8-1,0 kg/con; cá khỏe mạnh; Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 3,0$	Hàm lượng protein 38-45 % (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

7.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

8. Mô hình nuôi cá bống trong lồng/bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

8.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	10-15	Quy cỡ giống 6-10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 2,0$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 30\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit môi bệnh, môi	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

	trường,...)	
--	-------------	--

8.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	24	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

9. Mô hình nuôi cá lóc bông trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

9.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	130	Quy cỡ giống ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 4,0$	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.

4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
---	---	--

9.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	24	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

10. Mô hình nuôi cá lóc bông trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

10.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	10	Quy cỡ giống ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 4,0$	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

10.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

11. Mô hình nuôi cá bống kèo trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

11.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	100	Quy cỡ giống ≥ 3 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định

2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,2$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 18\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test- kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

11.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	6	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

12. Mô hình nuôi cá bống tượng trong ao /hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

12.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2	Quy cỡ giống ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo

				quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 9,0$	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test- kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

12.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

13. Mô hình nuôi cá bống tượng trong bể

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

13.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
----	-------------------	-----	----------	---------

1	Giống	Con/m ²	30	Quy cỡ giống ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 9,0$	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

13.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

14. Mô hình nuôi cá thát lát trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

14.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	50	Quy cỡ giống ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 2,0$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

14.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	11	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

15. Mô hình nuôi cá thát lát trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

15.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	9	Quy cỡ giống ≥ 2 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 3,5$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 20\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test- kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

15.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu,	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

	và chi phí khác.			
--	------------------	--	--	--

16. Mô hình nuôi cá sặc rằn trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

16.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	20	Quy cỡ giống $\geq 5,5$ cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 4,0$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

16.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	
---	--	--------------------------------	------------	--

17. Mô hình nuôi cá rô đồng trong ao/ hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

17.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	50	Quy cỡ giống $\geq 5,1$ cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 2.0	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

17.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm

5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

18. Mô hình nuôi ba ba trong ao/bể

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

18.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2	Quy cỡ giống ≥ 100 gr/con; Ba ba giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 10	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

18.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	18	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm

4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

19. Mô hình nuôi ếch trong bể/ lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

19.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	80	Quy cỡ giống ≥ 20 gr/con; Ếch giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 1.8	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 25\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

19.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	6	

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

20. Mô hình nuôi trai nước ngọt lấy ngọc

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

20.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	2,5	Trai nguyên liệu đã được cấy ngọc cỡ ≥ 300 gr/con; chất lượng đảm bảo, khỏe mạnh, nguồn gốc rõ ràng
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (test-kit môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

20.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	24	

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

21. Mô hình nuôi cá rô phi/ diêu hồng trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

21.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Rô phi/ Diêu hồng	Con/m ³	100	- Cỡ giống: $\geq 6\text{cm}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,8$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

21.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	7	

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

22. Mô hình nuôi cá rô phi/ diêu hồng thâm canh trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

22.1. Định mức giống, vật tư

T T	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Rô phi/ Diêu hồng	Con/m ²	5-7	- Cỡ giống: $\geq 7\text{g/con}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,3$	- Hàm lượng Protein $\geq 28\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

22.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8	

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

23. Mô hình nuôi cá rô phi/ diêu hồng bán thâm canh trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

23.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Rô phi/Diêu hồng	Con/ m ²	2,5	- Cỡ giống: $\geq 5\text{g/con}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,5$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (test kit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

23.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm

3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

24. Mô hình nuôi ghép cá rô phi/ điêu hồng là chính trong ao/ hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

24.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Rô phi/ Diêu hồng $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,5$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

24.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

25. Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

25.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: cá Trắm cỏ	Con/m ³	20-30	- Cỡ giống: 300-500g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn xanh	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 45	- Đảm bảo chất lượng; - Kích cỡ phù hợp giai đoạn phát triển của cá.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

25.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm

3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

26. Mô hình nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

26.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ $\geq 50\%$	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 1.2	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

26.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-----	----------	---------

1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

27. Mô hình nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

27.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Chép $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá rô phi/ Diêu hồng, Chép, Chim trắng $\geq 4\text{cm}$; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen $\geq 12\text{cm}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,5$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

27.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-----	----------	---------

1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

28. Mô hình nuôi cá chim trắng trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

28.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: cá Chim trắng	Con/m ²	2-4	- Cỡ giống: $\geq 4\text{cm}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,8$	- Hàm lượng Protein $\geq 25\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

28.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-----	----------	---------

1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

29. Mô hình nuôi cá trê trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

29.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: cá Trê	Con/m ²	20	- Cỡ giống: 3-5cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein $\geq 18\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

29.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-----	----------	---------

1	Thời gian triển khai	tháng	6	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ Người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

30. Mô hình nuôi cá tra/basa trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

30.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: cá Tra/Basa	Con/m ²	≤ 40	- Cỡ giống: $\geq 2\text{cm}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,7$	- Hàm lượng Protein $\geq 22\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

30.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

31. Mô hình nuôi nheo mỹ trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

31.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Nheo mỹ	Con/m ³	10	- Cỡ giống: $\geq 10\text{cm}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 2	- Hàm lượng Protein $\geq 30\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

31.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định	Ghi chú
-----	----------	-----	------	---------

			mức	
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

32. Mô hình nuôi cá – lúa

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

32.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống cá: Chép, rô phi, Trắm cỏ, Mè, rô đồng, Diêu hồng...	Con/m ²	1,5-2	- Cỡ giống: cá rô phi/Diêu hồng, rô đồng ≥ 5 g/con; Chép: ≥ 10 g/con; Trắm cỏ ≥ 150 g/con; Mè ≥ 100 g/con. - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,2$	- Hàm lượng Protein $\geq 22\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		

4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
---	---	--

32.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	9	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

33. Mô hình nuôi cá lăng nha trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

33.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Lăng nha	Con/m ³	20	- Cỡ giống: ≥ 15 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 2	- Hàm lượng Protein $\geq 35\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh,	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

	môi trường...)	
--	----------------	--

33.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	11	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

34. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

34.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ³	10	- Cỡ giống: 200-300g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 4,5$	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; - Được chế biến và bảo quản đúng quy định.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		

4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
---	---	--

34.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	11	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	≤5%	

35. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao/hồ

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

35.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ²	0,3-0,5	- Cỡ giống: 200-300g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn:			
	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 4,5	Đảm bảo chất lượng;
	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 1,7	- Hàm lượng Protein 28-35%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng ≤ 3

				tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

35.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	≤5%	

36. Mô hình nuôi cá chiên trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

36.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: cá Chiên	Con/m ³	18-20	- Cỡ giống: ≥ 100g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất

				lượng theo quy định.
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 4,0$	Đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

36.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

37. Mô hình nuôi lươn trong bể

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

37.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Lươn	Con/m ²	60	- Cỡ giống: ≥ 15 cm; - Lươn khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy

				chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 4,0$	- Hàm lượng Protein $\geq 20\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		

37.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	10	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

38. Mô hình nuôi cá chình nước ngọt trong bể

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

38.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: Chình nước ngọt	Con/m ²	10	- Cỡ giống: $\geq 100\text{g/con}$; - Lươn khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất

				lượng theo quy định.
2	Thức ăn cá tạp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 10	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; - Được chế biến và bảo quản đúng quy định.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

38.2. Định mức triển khai/ mô hình

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

39. Mô hình nuôi cá chình nước ngọt trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

39.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
----	-------------------	-----	----------	---------

1	Giống: Chình nước ngọt	Con/m ³	20	- Cỡ giống: $\geq 100\text{g/con}$; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 10	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; - Được chế biến, bảo quản đúng quy định.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

39.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

40. Mô hình nuôi cá tầm trong lồng bè

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

40.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
----	-------------------	-----	----------	---------

1	Giống: cá Tầm	Con/m ³ hoặc con/m ²	≥ 5 con/m ³ tương đương ≥ 15 con/m ²	- Cỡ giống: ≥ 50 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	$\leq 1,8$	- Hàm lượng Protein $\geq 35\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&TNT - Thời hạn sử dụng dưới 3tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

40.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	12	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	$\leq 5\%$	

41. Mô hình nuôi cá tầm trong bể/ao

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của BNN&PTNT)

41.1. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: cá Tầm	Con/m ²	≥ 8	- Cỡ giống: ≥ 50g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR (số kg thức ăn cần thiết / 1 kg tăng trưởng)	≤ 1.8	- Hàm lượng Protein ≥ 35%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.		
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

41.2. Định mức triển khai

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	18	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Hội thảo, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Mô hình/ người	1	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
6	Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, và chi phí khác.	% Tổng kinh phí được phê duyệt	≤ 5%	